



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

**TẠP CHÍ**

# **KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG**

**Central Vietnamese Review of Social Sciences**

**06(80) 2022**

**ISSN 1859-2635**

#### **TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Hoàng Hồng Hiệp

#### **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)  
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng  
Ủy viên Bộ Chính trị  
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền  
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức  
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp  
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính  
Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im  
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam  
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm  
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn  
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên  
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

#### **BIÊN TẬP TRỊ SỰ**

ThS. Châu Ngọc Hòe  
CN. Lưu Thị Diệu Hiền

# C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 06 năm 2022

Năm thứ mười lăm

## Mục lục

|                                                                                                                                                                                                                       |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:<br>Tư duy đột phá và sáng tạo của Đảng ta<br><i>Nguyễn Quang Bình</i>                                                                                      | 3  |
| Nhận thức và hành vi của người nội trợ trong giảm thiểu sử dụng túi nhựa dùng một lần:<br>Nghiên cứu trường hợp các tỉnh duyên hải miền Trung<br><i>Lê Chí Công, Phan Nguyễn Hoài Nhã, Nguyễn Đức Tân, Lê Đức Tâm</i> | 10 |
| Phát triển ngành khai thác thủy sản thành phố Đà Nẵng<br><i>Hoàng Hồng Hiệp, Châu Ngọc Hòe</i>                                                                                                                        | 19 |
| Phát triển thương hiệu nước mắm của làng nghề truyền thống Nam Ô,<br>thành phố Đà Nẵng<br><i>Phạm Quốc Trí</i>                                                                                                        | 27 |
| Thực hiện chính sách phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn<br>quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra<br><i>Vũ Thị Ngọc</i>                                           | 38 |
| Tình hình thiên tai, dịch bệnh dưới triều Nguyễn (1802-1840) -<br>khảo cứu qua Châu bản triều Nguyễn<br><i>Lê Thị Huyền</i>                                                                                           | 48 |
| Sự ảnh hưởng của trường phái kịch Aristote đến kịch Việt Nam 1945 – 1975<br><i>Phạm Ngọc Hiền</i>                                                                                                                     | 59 |
| Đặc điểm cấu trúc - hình thái và ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt có từ “ăn”<br><i>Hoàng Thị Yến</i>                                                                                                                | 66 |

**Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013**

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 06 năm 2022

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng \* ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiều tháng 11/2022

## Contents

|                                                                                                                                                                                                              |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Socialist-oriented market economy in Vietnam: Breakthrough and creative thinking of the Communist Party of Vietnam<br><i>Nguyen Quang Binh</i>                                                               | <b>3</b>  |
| The perception and behaviors of housewives in reducing the use of single-use plastic bags: A case study of Central coastal provinces<br><i>Le Chi Cong, Phan Nguyen Hoai Nha, Nguyen Duc Tan, Le Duc Tam</i> | <b>10</b> |
| Fisheries in Da Nang city<br><i>Hoang Hong Hiep, Chau Ngoc Hoe</i>                                                                                                                                           | <b>19</b> |
| Promoting the fish sauce brand name of Nam O traditional craft village in Da Nang<br><i>Pham Quoc Tri</i>                                                                                                    | <b>27</b> |
| Classification of domestic solid waste at source in Hai Chau district, Da Nang city: The real situation and problems<br><i>Vu Thi Ngoc</i>                                                                   | <b>38</b> |
| Natural disasters and epidemics under the Nguyen dynasty (1802-1840) – A study through the Nguyen dynasty's imperial archives<br><i>Le Thi Huyen</i>                                                         | <b>48</b> |
| The impact of Aristotelian dramas to Vietnamese dramas during 1945 – 1975<br><i>Pham Ngoc Hien</i>                                                                                                           | <b>59</b> |
| Structural - morphological and semantic features of Vietnamese idioms containing the word "eating"<br><i>Hoang Thi Yen</i>                                                                                   | <b>66</b> |

---

## Tình hình thiên tai, dịch bệnh dưới triều Nguyễn (1802-1840) - khảo cứu qua Châu bản triều Nguyễn

**Lê Thị Huyền**

*Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ*

*Email liên hệ: lehuyenkhxhnb@gmail.com*

**Tóm tắt:** Sau khi nhà Nguyễn thành lập vào năm 1802, việc tái thiết và phục hồi đất nước sau thời gian dài chiến tranh gặp nhiều khó khăn và thách thức đối với triều Nguyễn. Giai đoạn này liên tục xuất hiện bão lụt, vỡ đê, dịch bệnh, dẫn đến nạn đói hoành hành từ Bắc Kỳ đến Trung Kỳ. Trên cơ sở tư liệu Châu bản triều Nguyễn, bài viết phân tích, đánh giá các đợt lũ lụt, vỡ đê, dịch bệnh dưới triều Nguyễn (1802-1840); phân tích các chính sách ứng phó của triều Nguyễn khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh; và gợi mở về ý nghĩa thực tiễn trong việc ứng phó trước thiên tai, dịch bệnh hiện nay.

**Từ khoá:** Châu bản, dịch bệnh, bão lụt, vỡ đê, triều Nguyễn

### **Natural disasters and epidemics under the Nguyen dynasty (1802-1840) – A study through the Nguyen dynasty’s imperial archives**

**Abstract:** After being established in 1802, the Nguyen Dynasty faced challenges from the reconstruction and re-establishment of the country after a long period of war. During this time, various natural disasters such as storms, floods, dyke breaches, and epidemics occurred continuously, leading to famine spreading from the Northern Vietnam to the Central Vietnam. Based on the Nguyen Dynasty’s imperial archives, the article analyzes and evaluates floods, dyke breaches, and epidemics under the Nguyen Dynasty (1802-1840). Besides, the paper examines policies of the Nguyen Dynasty on responding to natural disasters and epidemics; thereby suggesting practical applications to respond to those problems at present.

**Keywords:** Imperial archives, epidemics, storms, floods, dyke breaches, Nguyen Dynasty.

**Ngày nhận bài:** 01/11/2022

**Ngày duyệt đăng:** 01/12/2022

### **1. Đặt vấn đề**

Đầu thế kỉ XIX, Nguyễn Ánh đánh thắng nhà Tây Sơn, lập nên nhà nước quân chủ thống nhất. Lúc này, việc tái thiết đất nước đặt ra nhiều vấn đề thách thức như tổ chức quản lý xã hội, kinh tế, văn hoá, giáo dục, pháp luật,... Bên cạnh việc xây dựng, phục hồi đất nước sau thời gian dài chiến tranh thì triều Nguyễn cũng gặp không ít khó khăn bởi thiên tai, dịch bệnh. Và thiên tai, dịch bệnh là một trong những nguyên nhân dẫn đến mất mùa, gây nên nạn đói ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội lúc bấy giờ. Từ năm 1802 đến 1840, cả nước có 31 trận bão lụt, vỡ đê, 06 trận đại dịch lớn xảy ra (Lê Thị Huyền, 2022). Trong giai đoạn này, người dân bị chết đói và phải bỏ làng mạc, lưu tán khắp nơi, như ở Hải Dương “có 13 huyện mà nhân dân lưu tán bỏ đi nơi khác mất hết 108 thôn xã! Ruộng bỏ hoang mất hết 12.700 mẫu. Năm Minh Mạng thứ 10, Nguyễn Công Trứ tâu rằng: xã Bồng Hải, ruộng bỏ hoang hơn 700 mẫu mà dân không chịu kí nhận; việc chiêu tập lưu dân để làm lính hoặc đi khai khẩn đất mới không thể

chấm dứt hay giảm bớt tình trạng lưu tán ở nông thôn” (Trần Văn Giàu, 1958, tr.84). Vào năm Minh Mạng thứ 13 (1832), Tổng đốc Định Yên Đặng Văn Thiêm tâu rằng “hai tháng trở lại đây đã đem số lúa bán hoặc cho vay còn lại xay ra thành gạo phát chẩn cho dân đói. Vậy mà có người chưa đến nơi phát chẩn đã bị chết đói, hoặc cũng có người vừa húp cháo xong đã chết” (Minh Mạng chính yếu, tr.282), hay “dân các tỉnh Hà Nội, Nam Định gồng gánh và bồng bế con cái đến xin ăn có hơn năm, sáu trăm người, đều mình gầy, da xanh” (Minh Mệnh chính yếu, tr. 279). Chính vì vậy, mục tiêu nghiên cứu này là khảo cứu Châu bản triều Nguyễn để đánh giá tình hình thiên tai, dịch bệnh; Phân tích những chính sách mà triều Nguyễn ban hành nhằm ứng phó kịp thời, phù hợp khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh vào giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX (1802-1840); Qua đó, gợi mở ý nghĩa thực tiễn trong việc ứng phó trước thiên tai, dịch bệnh hiện nay.

Nghiên cứu này sử dụng nguồn tư liệu chính là Châu bản triều Nguyễn, với số lượng 150 châu bản liên quan đến vấn đề thiên tai, dịch bệnh. Nội dung văn bản mang tính chất chỉ đạo từ trung ương đến địa phương hoặc từ địa phương báo cáo thực trạng và mức độ thiệt hại về người và của lên trung ương. Trong 150 văn bản được khảo cứu, 13 văn bản được lựa chọn làm nguồn trích dẫn trực tiếp cho bài viết, trong phạm vi thời gian từ năm 1802-1840, tương ứng với triều vua Gia Long (1802-1819) và Minh Mạng (1820-1840). Các Châu bản này được sưu tầm, khảo cứu tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I – Hà Nội.

## 2. Tình hình thiên tai, dịch bệnh dưới triều Nguyễn (1802-1840)

Gần 40 năm đầu thế kỷ XIX (1802-1840), cả nước hứng chịu nhiều đợt thiên tai, bão lụt, hạn hán, dịch bệnh làm cho đời sống nhân dân vô cùng kham khổ, khốn cùng. Sự nghèo đói bao trùm đời sống xã hội từ đầu cho đến giữa thế kỉ XIX và vẫn chưa có dấu hiệu thuyên giảm. Bên cạnh đó, nạn trộm cắp hoành hành khắp trong Nam ngoài Bắc, cuộc sống của người dân thêm chống chọi khó khăn. Trước tình hình tai họa liên tục giáng xuống, triều Nguyễn đã nỗ lực ban hành nhiều biện pháp hạn chế thiên tai cũng như hỗ trợ nhân dân, tu bổ đê điều, chuẩn bị lương thảo, và sẵn sàng ứng phó khi có thiên tai. Căn cứ vào báo cáo tình hình thiên tai, dịch bệnh của triều Nguyễn ở các Châu bản và ghi chép trong cuốn Minh Mệnh chính yếu (2010), các đợt thiên tai, dịch bệnh được thống kê, tổng hợp tại bảng 1. Kết quả từ bảng 1 cho thấy, giai đoạn 1802-1840, có 37 đợt gồm dịch bệnh, bão lụt và vỡ đê. Trong đó, có 6 đợt dịch bệnh, 21 lần bão lụt, 10 lần vỡ đê. Bão lụt và vỡ đê chủ yếu diễn ra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ (29/31 lần), dịch bệnh diễn ra trên quy mô cả nước.

**Bảng 1: Tổng hợp tình hình thiên tai, dịch bệnh dưới triều Nguyễn (1802-1840)**

| STT | Năm  | Nội dung  | Địa phương                         |
|-----|------|-----------|------------------------------------|
| 1   | 1806 | Vỡ đê     | Các trấn Bắc thành                 |
| 2   | 1809 | Bão lụt   | Các trấn Bắc thành                 |
| 3   | 1811 | Bão lụt   | Kinh thành                         |
| 4   | 1811 | vỡ đê     | Hà Nội                             |
| 5   | 1813 | Bão lụt   | Quảng Ngãi, Bình Định              |
| 6   | 1816 | Bão lụt   | Phú Yên                            |
| 7   | 1818 | Mưa lụt   | Nghệ An                            |
| 8   | 1818 | Lở sông   | Định Tường                         |
| 9   | 1819 | Bão lụt   | Từ Thanh Hoa ra các trấn Bắc thành |
| 10  | 1820 | Dịch bệnh | Cả nước                            |

|    |           |           |                                                                                                                            |
|----|-----------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | 1820      | Mưa lụt   | Huế                                                                                                                        |
| 12 | 1820      | Mưa lụt   | Biên Hòa                                                                                                                   |
| 13 | 1821      | Dịch bệnh | Cả nước                                                                                                                    |
| 14 | 1822      | Bão lụt   | Hải Dương                                                                                                                  |
| 15 | 1826      | Dịch bệnh | Gia Định đến Quảng Bình                                                                                                    |
| 16 | 1827      | Dịch bệnh | Bình Thuận                                                                                                                 |
| 17 | 1827      | Lở sông   | Hạt Vĩnh An, Vĩnh Thanh thuộc trấn Vĩnh Thanh                                                                              |
| 18 | 1827      | Vỡ đê     | Sơn Tây, Sơn Nam, Nam Định, Thái Nguyên, Bình Xuyên                                                                        |
| 19 | 1828      | Vỡ đê     | Bắc Ninh, Nam Định, Sơn Tây, Sơn Nam                                                                                       |
| 20 | 1828      | Bão lụt   | Thừa Thiên Huế                                                                                                             |
| 21 | 1829      | Bão lụt   | Quảng Bình, Thanh Hoa                                                                                                      |
| 22 | 1829      | Bão lụt   | Ninh Bình và 5 trấn Bắc thành                                                                                              |
| 23 | 1829      | Vỡ đê     | Trấn Sơn Nam                                                                                                               |
| 24 | 1831      | Bão lụt   | Bắc thành (đặc biệt Nam Định)                                                                                              |
| 25 | 1832      | Bão lụt   | Bắc thành (2 lần mưa lũ lớn)                                                                                               |
| 26 | 1832      | Vỡ đê     | Bắc thành (2 lần mưa lũ lớn)                                                                                               |
| 27 | 1832      | Dịch bệnh | Phú Yên                                                                                                                    |
| 28 | 1833      | Vỡ đê     | Hưng Yên                                                                                                                   |
| 29 | 1833      | Bão lụt   | Quảng Bình, Quảng Trị                                                                                                      |
| 30 | 1836      | Bão lụt   | Hưng Yên                                                                                                                   |
| 31 | 1837      | Bão lụt   | Cao Bằng, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây                                                                                     |
| 32 | 1837      | vỡ đê     | Cao Bằng, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây                                                                                     |
| 33 | 1838      | Bão lụt   | Ninh Bình, Nam Định                                                                                                        |
| 34 | 1838      | Bão lụt   | Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi                                                                                           |
| 35 | 1839      | Mưa lụt   | Hà Tĩnh, Kinh thành                                                                                                        |
| 36 | 1839      | Mưa lụt   | Bắc Kỳ                                                                                                                     |
| 37 | 1839-1840 | Dịch bệnh | Cả nước (Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Yên, Hải Dương, Nam Định, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình....) |

(Nguồn: Lê Thị Huyền tổng hợp từ Châu bản triều Nguyễn và Minh Mệnh chính yếu (2010))

### 2.1. Dịch bệnh

Dịch bệnh là một trong những hiểm họa đối với con người, đặc biệt những bệnh mới phát sinh, khi con người chưa có kinh nghiệm ứng phó, chưa có thuốc đặc trị và chưa có nền y học hiện đại. Ở Việt Nam, trong 20 năm (1820 – 1840) đã xảy ra 06 đợt dịch, năm 1820, 1821, 1826, 1827, 1833 và 1840, trong đó đợt dịch diễn ra vào cuối năm 1820 là trầm trọng nhất. Những đợt dịch này, đều được ghi chép lại trong Châu bản triều Nguyễn, và Minh Mệnh chính yếu, cho thấy rằng, con người đã từng đối mặt với dịch bệnh nguy hại, cướp đi sinh mạng của hàng triệu người trong thời gian ngắn.

Đại dịch lần thứ nhất xảy ra vào năm 1820 (năm Minh Mệnh 1), kéo dài sang năm 1821 trên phạm vi cả nước, là do dịch tả. Bệnh dịch tả là thứ dịch lớn nhất và hoành hành dữ dội nhất trong nửa đầu thế kỷ XIX. Vào năm Minh Mạng thứ nhất 1820, dịch bệnh ở Hà Tiên, Vĩnh Thanh, Định Tường, sau đó lan ra khắp lục tỉnh Nam Kỳ. Cuối năm đó, dịch tả cũng xuất hiện ở



các trấn Bắc thành, làm 114.282 người chết. Theo báo cáo của trấn Bắc thành ngày 24 tháng 12 năm Minh Mệnh 1 thì “Từ thượng tuần tháng Chạp về trước các trấn ở Bắc Thành bị dịch bệnh chết 114.282 người. Nay gần đến tiết xuân, khí độc đã bớt, gần được như thường” (Châu bản triều Nguyễn, tờ 98, tập 1, về việc báo cáo tình hình dịch bệnh). Sang đầu năm Minh Mệnh thứ hai 1821, dịch bệnh lan ra từ Bình Thuận đến Nghệ An, nhiều nơi người chết hao tổn nhiều.

Năm nay (1820) bệnh dịch phát từ mùa thu sang mùa đông, bắt đầu từ Hà Nội rồi sau rốt đến Bắc Thành. Số hộ khẩu chết tất cả là 206.835 người, không kể số nam phụ lão ấu ở ngoài hộ tịch. Trước sau chẩn cấp tổng cộng hơn 73 vạn quan tiền (Dẫn theo Vũ Huy Phúc, 1979). Các giáo sĩ đã ghi lại: ở Bắc kỳ và Nam Kỳ có tai nạn chết người chưa từng thấy tương tự như vậy, đó là bệnh tả. Tỉnh Nghệ An chết vì bệnh này hơn 22.000 người. Trận dịch này còn chưa hoàn toàn ngừng lại mà chỉ giảm nhiều thôi. Sự thực là có một số rất lớn người chết, vì lỗi ở họ, không kể những người do sự bất tài của các thầy thuốc mà chết, số này không phải là ít, hoặc năm ấy (1820) ở vương quốc này có một tỉ lệ tử vong khủng khiếp. Người ta chết hoặc bất thành linh, hoặc trong khoảng 2 hay 3 giờ là nhiều: một vài người thoát nhưng rất ít (dẫn theo Vũ Huy Phúc, 1979, tr.405).

Tình hình dịch bệnh từ cuối năm 1820 bùng phát ở Bắc thành và Lục tỉnh Nam Kỳ đã lan ra cả nước. Đến đầu năm 1821, các trấn ở miền Trung tấu báo về tình hình dịch bệnh và số lượng đã phát chẩn cho dân. Ngày 10 tháng 2 năm Minh Mệnh 2, Doanh Quảng Bình tấu: “năm ngoái quân dân chết vì bệnh quá nhiều, phụng chỉ xuất quan tiền mua thuốc để điều trị, nếu người nào bị dịch bệnh mà chết, quân thì y lệ cấp tiền tuất, cấp thêm 1 tấm vải, còn dân không kể nam phụ lão ấu, mỗi người đều cấp 3 quan tiền tuất. Vâng chiếu lúc ấy các hạng quân dân thực lãnh tiền tuất 13.043 người, chuẩn cấp tiền tuất và tiền vải là 39.796 quan, cùng tiền mua thuốc là 69 quan 8 tiền 37 đồng 5 phân” (Châu bản triều Nguyễn, tờ 10, tập 4, tấu: về việc cấp tuất cho những người bị dịch bệnh).

Ngày 24 tháng 3 năm Minh Mệnh 2, Trấn thủ trấn Nghệ An Nguyễn Văn Xuân tấu “Năm nay, từ thượng tuần tháng 3, trong hạt chúng thần, từ thành thị đến thôn quê, nhân dân mắc phải bệnh thổ tả cấp tính, người chết hao tổn nhiều” (Châu bản triều Nguyễn, tờ 30, tập 4; tấu; báo cáo tình hình dịch bệnh). Có thể nói, dịch bệnh vào năm 1820 trên diện rộng, với số lượng người tử vong cao, diễn ra trong thời gian ngắn.

Những đợt dịch xảy ra, được nhà Nguyễn phát chẩn, cấp thuốc men. Những người chết vì dịch bệnh, được cấp mỗi người 3 quan tiền, vải 1 tấm. Ngoài ra, còn trích của công ra chôn cất những người chết mà chôn cất chưa đến nơi, đến chốn (Minh Mạng chính yếu, 2010, tr.219). Vua dụ cho các quan địa phương đích thân đến tận nơi để cấp phát, đồng thời ghi chép và báo cáo với triều đình tình hình chi tiết về số người bị bệnh nặng, số người chết, và năm ngày phải báo cáo một lần (Minh Mạng Chính yếu, 2010, tr: 219-220). Như vậy, triều đình quản lý khá chặt chẽ từ việc chẩn cấp cũng như diễn biến của dịch bệnh.

Lần dịch bệnh thứ nhất vừa lắng xuống, thì vào năm Minh Mệnh thứ 7 (1826), lại xảy ra đợt dịch thứ hai. Dịch bệnh bùng phát ở thành Gia Định và các tỉnh từ Bình Thuận trở ra đến tỉnh Quảng Bình, lại báo cáo về có dịch (Minh Mạng chính yếu, 2010, tr.27). Đến năm Minh Mệnh thứ 13 (1833), thì bệnh xảy ra với qui mô nhỏ hơn ở huyện Đồng Xuân, tuy nhiên số người bị chết hơn một ngàn người. Năm này, “ở Phú Yên giá gạo lên cao, vua ra lệnh cho các quan tỉnh phát lúa kho một vạn học giảm giá bán cho dân. Nếu có ai muốn vay cũng cho. Năm đó, huyện Đồng Xuân lại bị dịch, người bị nhiễm chết hơn một ngàn” (Minh Mệnh chính yếu,



2010, tr.275). Khi dịch bệnh xảy ra, thường giá cả tăng cao, đặc biệt là giá gạo, nếu không có sự hỗ trợ kịp thời từ nhà nước sẽ dẫn đến nạn đói và dân sẽ khó phục hồi sau đại dịch. Vì vậy, triều đình đã giảm giá gạo cho dân, và người nào không đủ tiền mua sẽ cho vay.

Minh Mệnh thứ 21 (1840), dịch bệnh xuất hiện ở Bắc Kỳ, những năm gần đây các tỉnh ở Bắc Kỳ luôn phải gánh chịu nhiều thiên tai, đặc biệt là vỡ đê, lụt lội và mất mùa. Báo cáo tình hình ở Bắc Kỳ vào năm 1840 “Bắc Kỳ mọi tỉnh dịch bệnh chưa thôi, năm ngoái trấn Thanh Ba, trấn Ninh Bình đã bị tai gió bão, gần đây mọi tỉnh lại báo bệnh dịch tễ quá nhiều” (Minh Mệnh chính yếu, tr.42). Trận đại dịch tháng 4 năm Canh Tý 1840 (Minh Mệnh 21) tại Bắc Kỳ. Tổng số người chết là 67.000 người, Hải Dương chết 23.000, Bắc Ninh 21.000 người (Vũ Huy Phúc, 1979, tr. 405).

Như vậy, dịch bệnh xảy ra ở Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX, diễn ra từ năm 1820-1840, trung bình 4 năm lại có một đợt dịch. Những đợt dịch đó có qui mô và mức độ khác nhau. Trong 5 đợt dịch, có 2 đợt dịch bùng phát ở Lục tỉnh Nam Kỳ và lan rộng ra cả nước, và đợt dịch vào năm 1820 diễn ra với cường độ mạnh và qui mô rộng, số người chết nhiều. Những đợt dịch bệnh này, đã tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội là một trong những nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng nền kinh tế - xã hội nửa đầu thế kỷ XIX. Trước hết, số người chết trong các đợt dịch bệnh là rất lớn, lại diễn ra trong thời gian ngắn, như đợt dịch tả năm 1820 ở Bắc Thành số người chết tất cả là 206.835 người, ở Nghệ An chết 22.000 người, và phát 73 vạn quan tiền để cứu tế. Đợt dịch tả năm 1820 này, bắt nguồn từ các tỉnh Nam Kỳ, sau đó lan nhanh ra các tỉnh Bình Thuận, và lan rộng khắp cả nước và kết thúc vào cuối năm 1821. Chỉ trong 2 năm, số người chết trên cả nước không thể thống kê hết, và chắc chắn sẽ lớn hơn nhiều con số thương vong ở Bắc Thành và Nghệ An cộng lại. Trong khi đó, theo thống kê cơ cấu dân số Việt Nam đến năm 1840 khoảng hơn 1 triệu người, tuy nhiên đây là thống kê dân đinh (dân đinh là đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi) là người chịu sự thuế, lao dịch. Ngoài dân đinh, sẽ còn số dân ngoại tịch, hay dân lậu, không được hay chưa được đăng vào sổ đinh của làng, và không kể đến đàn bà, con trẻ và người già, những lực lượng này không phải chịu thuế suất. Và thường các đình bộ không kê khai tất cả số đàn ông trong làng (Nguyễn Thế Anh, 2008, tr.17). Như vậy, dân số thực tế có thể cao hơn con số đăng ký trong lục bộ là 5 – 8 lần. Vì vậy, chỉ có thể ước lượng tổng dân số lúc này khoảng 8 triệu dân. Nhưng trong đợt dịch tả năm 1820 chỉ riêng trấn Bắc Thành và tỉnh Nghệ An số người chết là 228.835 người, chiếm 2,9% dân số. Vào năm 1840, đại dịch lại tiếp tục xảy ra, cũng bắt đầu tại các tỉnh Nam Kỳ và lan rộng ra cả nước, và cũng trong 2 năm 1839-1840, số người chết là 67.000 người.

Có thể thấy, đại dịch ở đầu thế kỷ XIX đã làm thiệt hại lớn về người, nền kinh tế - xã hội lúc bấy giờ. Thiệt hại về người sẽ thiếu hụt lực lượng lao động, sản xuất, quân dịch, sau dịch bệnh đẩy nền kinh tế rơi vào khủng hoảng, bởi thiếu hụt về lượng thuế khoá, đồng thời bù đắp những chi phí cho dân sinh trong quá trình dịch bệnh. Ngoài ra, sau dịch bệnh sẽ mất ổn định xã hội, đẩy người dân vào sự nghèo khổ và bản cùng hoá, đồng thời dễ xảy ra trộm cướp mất an ninh, trật tự xã hội. Vì vậy, vấn đề phục hồi đất nước sau đại dịch cũng là một thách thức lớn đối với triều Nguyễn.

## **2.2. Bão – lụt, vỡ đê**

Số lượng, tần suất và mức độ của những cơn bão, mưa lụt xảy ra vào giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX, cũng được ghi chép đầy đủ trong Châu bản triều Nguyễn. Các địa phương phải báo cáo, cập nhật liên tục tình hình bão lụt của địa phương mình lên triều đình. Từ đó, triều đình

ban hành những chỉ, dụ nhằm thực thi các chính sách, biện pháp để khắc phục hậu quả và cứu trợ nhân dân. Ngoài những trận bão, thì giai đoạn này ở Bắc Kỳ nhiều lần đề bị vỡ, gây thiệt hại về mùa màng và vật chất cho nhân dân. Bão, lụt, vỡ đê là một trong những nguyên nhân gây ra những nạn đói trong lịch sử. Từ năm 1802 – 1840, có 31 đợt lũ lụt, vỡ đê, trong đó có 21 trận lụt lớn và 10 lần vỡ đê. Bão, lụt, vỡ đê chủ yếu xảy ra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Tình hình bão lụt, vỡ đê xảy ra chủ yếu ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Từ Phú Yên trở vào phía Nam, không xuất hiện bão cũng như mưa lụt lớn (trừ năm 1820, bị lụt cục bộ ở Long Khánh – trấn Biên Hoà). Có thể nói, khí hậu ở Nam Bộ ôn hoà, ít chịu tác động tiêu cực từ thiên tai, thuận lợi trong việc canh tác, sản xuất nông nghiệp. Triều Gia Long, xuất hiện 9/31 đợt bão, lụt vỡ đê; Triều Minh Mạng có 22/31 đợt bão, lụt và vỡ đê. Có thể thấy, thiên tai dưới triều Minh Mạng nhiều gấp 2,5 lần so với triều Gia Long. Bảng 2 và 3 cho thấy, trong 38 năm đầu thế kỷ XIX cả nước có 31 đợt xảy ra thiên tai bão lụt, vỡ đê, trong đó có 21 đợt là bão lụt, chiếm tỉ lệ 67,74%, các đợt bão lụt xảy ra chủ yếu ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Vỡ đê, lở sông ở giai đoạn này có 10 đợt, trong đó có 8 đợt vỡ đê ở Bắc Kỳ, 02 đợt lở sông ở Nam Kỳ (Định Tường và Vĩnh Thanh).

**Bảng 2: Tỉ lệ thiên tai diễn ra ở 3 Kỳ (Bắc, Trung, Nam)**

| STT         | Vùng     | Số lần bị bão, lụt | Số lần bị vỡ đê, lở sông | Tổng số thiên tai xảy ra | Tỉ lệ |
|-------------|----------|--------------------|--------------------------|--------------------------|-------|
| 1           | Bắc Kỳ   | 10                 | 8                        | 18                       | 58,1% |
| 2           | Trung Kỳ | 10                 | 0                        | 10                       | 32,2% |
| 3           | Nam Kỳ   | 1                  | 2                        | 3                        | 9,7%  |
| <b>TỔNG</b> |          | 21                 | 10                       | 31                       | 100%  |

(Nguồn: Lê Thị Huyền tổng hợp, 2022)

**Bảng 3: Tỉ lệ giữa các loại thiên tai**

| Stt         | Nội dung | Số lần xảy ra | Tỉ lệ  |
|-------------|----------|---------------|--------|
| 1           | Bão, lụt | 21            | 67,74% |
| 2           | Vỡ đê    | 10            | 32,26% |
| <b>TỔNG</b> |          | 31            | 100%   |

(Nguồn: Lê Thị Huyền tổng hợp, 2022)

Nhìn chung, thiên tai bão, lụt, vỡ đê nửa đầu thế kỷ XIX diễn ra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, với tần số dày đặc, trung bình một năm xảy ra một trận lụt lớn, có năm còn xảy ra thiên tai kép là vừa dịch bệnh, bão lụt và vỡ đê. Vì thiên tai liên tiếp xảy ra, dẫn đến việc dân không thể cày cấy, sản xuất nông nghiệp, nếu có thì mùa màng thất bát và nạn đói bao trùm khắp Bắc Kỳ và Trung Kỳ, đẩy đời sống của người dân vào sự khốn cùng.

Trước tình hình đó, triều đình nhà Nguyễn đã thực hiện một số chính sách cứu trợ cho dân như phát chẩn, tu bổ đê điều, cho dân vay thóc giống, trâu bò. Nhưng thực trạng vẫn không cải thiện được là bao. Thời Gia Long đã ban bố chiếu lệnh về việc phát chẩn cho dân khi có thiên tai, thể hiện tính linh hoạt và kịp thời ứng cứu cho dân bị lũ lụt, “Mỗi khi có thiên tai, quan địa phương một mặt đề tấu lên đồng thời thân hành đến khám rồi phát chẩn ngay, không nên đợi tâu phúc rồi mới thi hành” (Châu bản triều Nguyễn, tờ 87, tập 2, Gia Long thứ 10). Những năm đầu mới lên ngôi, vua Minh Mạng đối mặt với đại dịch vào năm 1820 đã cướp đi sinh mạng hàng triệu người dân, và liên tiếp hứng chịu những trận lụt, vỡ đê lớn.

Năm 1820, lụt diễn ra ở tỉnh Biên Hòa, Tổng trấn Lê Văn Duyệt tấu trình về việc đem gạo trong kho phát chẩn cho dân ở dọc ở sông 3 huyện Long Thành, Phước Chánh và Bình An bị nạn lụt (Châu bản triều Nguyễn, tập 1, tờ 63, ngày 25 tháng 9 năm Minh Mạng 1). Khi bão lụt, các địa phương phải cập nhật, tấu trình liên tục tình hình của địa phương mình, thống kê những thiệt hại do bão gây ra, có thể một ngày làm hai đến ba bản tấu trình gửi đến triều đình. Doanh Quảng Bình vào năm Minh Mệnh thứ hai (1821), xảy ra nạn bão lụt, lưu thủ doanh làm bản tấu, báo cáo tình hình của tỉnh “Trong đêm 25 tháng 9, hạt chúng thần bị gió bão, nước lụt. Lúa gạo trong kho bị ướt rất nhiều. Dân tại 4 châu, huyện chết đuối đến 261 người, cả đàn ông và đàn bà. Lúa ruộng bị tổn hại quá phần nửa” (Châu bản triều Nguyễn, tờ 18, tập 4). “Đêm 25 tháng 9, gió bão nước lụt, các công sở nhiều nhà bị sập ngói. Bốn mặt thổ thành bị nước lụt xói lở 44 chỗ, dài tổng cộng 794 tấc. Nhân dân bị đè chết hay chết đuối, kể cả đàn ông hay đàn bà tổng cộng 261 người. Lúa tháng Mười hư hại 5 phần 10. Nhà cửa của dân bị xiêu đổ 6174 cái, thuyền bè chìm hư 20 chiếc” (Châu bản triều Nguyễn tờ 19 tập 4, ngày 18/10 năm Minh Mệnh 2). Như vậy, trong ngày 25 tháng 9 năm 1821 (Minh Mệnh thứ 2) ở tỉnh Quảng Bình bị mưa lụt, làm chết 261 người, nhà cửa bị đổ 6.174 ngôi nhà, thuyền hư hỏng 20 cái. Vào ngày 21 tháng 8 năm Minh Mạng thứ 6, ở Nghệ An bị gió bão, mưa to, gây lụt lội, và đã làm bản tấu báo tình hình lên triều đình.

Thần Nguyễn Hữu Thận phụng thượng dụ: Theo trấn thần Nghệ An tâu báo: tháng 7 năm nay hạt ấy bị gió bão, mưa to, nước lụt dâng tràn, ở 2 huyện Kỳ Hoa, Đông Thành có 41 người dân bị chết đuối, 6031 ngôi nhà của dân các huyện bị đổ nát, 47 chiếc thuyền bị lật chìm. Xem xong tờ tâu rất là thương xót. Truyền gia ơn cấp cho mỗi người dân bị chết đuối 3 quan tiền, mỗi ngôi nhà đổ nát 1 quan tiền 1 phương gạo, mỗi chiếc thuyền bị lật chìm 2 quan tiền, 2 phương gạo, để cho người dân bị thiên tai đều được hưởng ân trạch (Châu bản triều Nguyễn, Tờ 119, tập 10, Minh Mạng 6).

Hệ thống đê điều ở Bắc Kỳ nửa đầu thế kỷ XIX bị xuống cấp và vỡ đê là hệ quả của việc không được quan tâm, tu bổ do nội chiến kéo dài. Cuộc chiến giữa các tập đoàn phong kiến đã làm hao mòn sức người, sức của, là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy kiệt nền kinh tế, đẩy cuộc sống người dân vào sự lầm than, đói khổ, khi liên tục hứng chịu cảnh dịch bệnh, mất mùa, vỡ đê, bão lụt... Khi đê vỡ, quan của tổng trấn phải báo cáo chi tiết về tình hình thiệt hại như ngập bao nhiêu nhà, số ruộng lúa hư hỏng,... căn cứ vào thực trạng, để triều đình quyết định chẩn cấp hay giảm thuế cho dân. Việc vỡ đê ở các trấn Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương vào năm Minh Mệnh 10 được ghi chép như sau “Ngày tháng 7 năm Minh Mệnh thứ 9 nước lớn, các huyện Gia Lâm, Phù Dung, An Sơn, Chung Đức, Hoài An,... Thuộc trấn Bắc Ninh, Sơn Nam, Nam Định, Sơn Tây, Hải Dương. Đê điều các xã lần lượt bị tràn vỡ, nhà cửa, ruộng lúa bị ngập lụt,... Số ruộng lúa bị tổn hại đợi các trấn tập hợp tính toán đệ trình,... Ngày tháng 12 năm đó đã sắp cho Hộ Tào căn cứ theo các trấn ước tính số tổn hại đại lược lập thành 2 bản tấu sách Giáp Ất đệ tấu trước. Phụng chỉ: đã biết rồi.”

Nay căn cứ 5 trấn: Sơn Nam, Nam Định, Sơn Tây, Hải Dương, Bắc Ninh vừa qua xem xét mức thiệt hại ruộng lúa ở các huyện xã bao nhiêu mẫu, sào tập hợp thành tấu, mỗi trấn 2 bản giáp ất đã xong và do Thành chuyển nộp. Xin đem nguyên tấu của 5 trấn đó tổng cộng 10 bản gửi về phụng nộp” (Châu bản triều Nguyễn, tờ 67, tập 036 ngày 04/03/MM 10). Hay lần vỡ đê ở trấn Sơn Tây vào năm Minh Mạng 18 (1838), lập tức phát hồng bản để trình báo đến tổng trấn và triều đình. Sau đó, nhận được chỉ dụ của triều đình hướng dẫn việc báo cáo, đánh giá về thực trạng tình hình vỡ đê, mức độ ảnh hưởng đến mùa màng, nhà cửa và đời sống nhân

dân, đồng thời nêu các phương pháp giải quyết, khắc phục tình trạng vỡ đê. Đây là qui trình chung khi có thiên tai xảy ra ở các địa phương là báo cáo thực trạng bằng các bản tấu lên triều đình, từ đó, triều đình ban các bản dụ nhằm tiến hành cứu trợ, phát chẩn và phê chuẩn việc giảm thuế theo qui định.

Khi thiên tai xảy ra, các quan lập tức đi khám xét thực tế nếu chưa kịp báo cáo chính thức, thì trước mắt giúp dân khắc phục, hỗ trợ lúa, gạo, cấp thuốc, sau khi xong việc sẽ báo cáo sau. Việc này được Minh Mệnh ban hành chỉ dụ, yêu cầu quan các trấn thực hiện, để kịp thời cứu trợ dân kịp thời trong thiên tai “Mùa đông năm nay mưa nhiều, lại thêm việc núi lở, nước sông dâng tràn, sợ rằng dân nghèo có khó khăn về cái ăn cũng chưa biết được. Các viên Đoàn Văn Trường... ở phủ Thừa Thiên, chia nhau đi xem xét, nếu gặp dân nghèo không báo cáo lên, và các ruộng vườn bị chìm ngập, nhà cửa bị trôi nổi, chuẩn cho lập tức liệu tính chẩn cấp để cứu giúp việc trước mắt, đợi đến khi xong việc, tập hợp danh sách báo lên, quyết toán” (Châu bản triều Nguyễn, tờ 128, tập 10, ngày 8/10 năm Minh Mạng 6).

Bão lụt, vỡ đê xảy ra nhiều ở giai đoạn 1802-1840, có khi diễn ra cục bộ từng địa phương, từng tỉnh, nhưng có lúc xảy trên diện rộng. Tác động tiêu cực đến đời sống của người dân, đến nền kinh tế và an ninh lương thực.

### **3. Ứng phó của triều Nguyễn trước thiên tai, dịch bệnh**

Trước tình hình thiên tai và dịch bệnh, phản ứng của triều Nguyễn lấy việc cứu người lên hàng đầu, đồng thời khi có thiên tai trong triều tiết giảm về ăn uống, ca hát. Bãi bỏ trang trí châu ngọc và phóng sinh cầu an trong vườn thượng uyển “việc cứu người, cứu dân là việc làm hàng đầu, không thể lơ là. Khi thiên tai xảy ra, triều đình tiết giảm các chi phí về ăn uống, cấm ca hát, bãi bỏ hết mọi việc không cấp thiết, bãi bỏ hết trang trí châu ngọc, phóng sinh chim trong vườn thượng uyển (Minh Mệnh chính yếu, 2010, tr. 37-38)”. Như vậy, với chủ trương, quan điểm lấy dân làm gốc, và lợi ích của dân là nguồn gốc của mọi quyết định, triều Nguyễn ban hành một số chính sách nhằm hỗ trợ, ứng cứu dân trong thiên tai, dịch bệnh. Các chính sách này giải quyết vấn đề trước mắt, trung hạn và dài hạn, đó là: 1). Thực hiện phát chẩn, cứu tế gạo, thuốc, quần áo trực tiếp cho dân; 2). Kêu gọi, khuyến khích cá nhân làm thiện nguyện; 3). Giảm giá lúa gạo, cho vay thóc giống, công cụ và tạo công ăn việc làm cho dân sau thiên tai, dịch bệnh. Những việc này, được thực thi ngay khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh. Vào ngày 10 tháng 2 năm Minh Mệnh 2, Doanh Quảng Bình tấu về việc cấp thuốc cho những người chết vì dịch bệnh, trước hết mua thuốc phát cho dân, nếu người nào chết không kể già trẻ, trai gái mỗi người cấp 3 quan tiền và một tấm vải. Vào năm 1821, doanh Quảng Bình cấp tiền thuốc cho 13.043 người, hết số tiền thuốc và tiền vải là 39.769 quan, tiền thuốc hết 69 quan 8 tiền 37 đồng 5 phân. Nội dung này, được thể hiện trong Châu bản tập 4, tờ 10, Minh Mệnh 2: “năm ngoài quân dân chết vì bệnh quá nhiều, phụng chỉ xuất quan tiền mua thuốc để điều trị, nếu người nào bị dịch bệnh mà chết, quân thì y lệ cấp tiền thuốc, cấp thêm 1 tấm vải, còn dân không kể nam phụ lão ấu, mỗi người đều cấp 3 quan tiền thuốc. Vâng chiếu lúc ấy các hạng quân dân thực lãnh tiền thuốc 13.043 người, chuẩn cấp tiền thuốc và tiền vải là 39.796 quan, cùng tiền mua thuốc là 69 quan 8 tiền 37 đồng 5 phân. Phụng chỉ: chuẩn y” (Châu bản triều Nguyễn, tập 4, tờ 10).

Việc phát chẩn, được Minh Mạng ban chỉ dụ xuống các địa phương, phải thực hiện việc cứu dân trước tiên, không để dân đói và thiếu thốn trong thiên tai, dịch bệnh “Trẫm xem bản tấu về tình trạng tai biến của dân, động lòng thương xót, mà số chẩn cấp còn quá ít ỏi, dân ta chưa khỏi điêu linh thiếu thốn, nên truyền dụ Trấn thần chẩn cấp thêm, không luận trai, gái,



già trẻ ai bị chết đuối, đều cấp tiền ba quan, người đói khổ nghèo nàn quá cấp tiền hai quan, gạo một phương, nghèo vừa thì cấp tiền một quan, gạo một phương” (Minh Mạng chính yếu, 2010, tr.257-258). Việc phát chẩn cho dân khi có thiên tai đã trở thành truyền thống, thể hiện tinh thần nhân văn cao đẹp về lòng từ bi, bác ái. Khi có thiên tai, các quan địa phương lập tức đi xem xét tình hình của dân, và xuất kho phát chẩn cho dân “nơi nào giá gạo đắt quá thì xuất lúa cho vay, nơi nào đói kém vừa thì cho hoãn thuế. Nơi nào có trộm cướp lớn thì đem quân ra dẹp, nhỏ thì trừ khử đi” (Minh Mạng chính yếu, 2010, tr.38).

Ngoài ra, triều Nguyễn còn ban hành chỉ dụ, kêu gọi, khuyến khích cá nhân làm thiện nguyện. Các nghĩa nhân đứng ra kêu gọi và phát trực tiếp cho dân, không thông qua các quan địa phương, và ai kêu gọi được nhiều thì triều đình sẽ ban thưởng bằng tiền tương ứng với số lượng kêu gọi được. Ngoài ra, triều đình còn ban mũ, áo, giấy chứng nhận về việc làm thiện nguyện. Triều Nguyễn biết khuyến khích tinh thần tương thân, tương ái trong cộng đồng vừa giảm tải khó khăn cho triều đình, đồng thời hạn chế được các tiêu cực trong quá trình phát chẩn. Những nghĩa nhân nếu tổ chức thường xuyên và quyên góp được nhiều còn được ban phẩm hàm là cứu phẩm.

Sau các đợt dịch bệnh và thiên tai, triều Nguyễn còn miễn thuế, hỗ trợ thóc giống, công cụ sản xuất và tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Khi tình trạng bão, lụt, mất mùa xảy ra liên tục tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ, gần như người dân không có thu hoạch mà chủ yếu dựa vào sự trợ cấp của triều đình. Vì vậy khi đến mùa vụ, nhà nước hỗ trợ giống để người dân có thể thực hiện việc gieo trồng. Ngoài ra, những địa phương có thực hiện những công việc của nhà nước như đào kênh, xây thành... thì tuyển và lấy người dân địa phương vào làm việc. Họ được trả công hàng ngày bằng tiền hoặc gạo, việc này tạo điều kiện cho người dân bản địa, khi họ có thêm việc làm và thu nhập, đồng thời thúc đẩy sự lưu thông hàng hoá và phát triển kinh tế, xã hội. Và khi dịch bệnh hay bão lụt, vỡ đê xảy ra, thì triều đình miễn thuế cho dân, và tạo điều kiện để người dân phục hồi sau đại dịch, thiên tai.

Có thể thấy, triều Nguyễn đã phản ứng kịp thời khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh. Nhà nước vừa phát chẩn, cứu tế trực tiếp cho dân, đồng thời cũng kêu gọi các nghĩa dân, những người giàu có trong xã hội chung tay hỗ trợ những người nghèo, yếu thế khi gặp khó khăn. Họ tự chủ thực hiện nhưng được sự giám sát của quan địa phương và được triều đình tặng giấy xác nhận, vật phẩm và phong chức quan. Về lâu dài, triều Nguyễn đã tạo công ăn việc làm cho người dân, hỗ trợ thóc giống, công cụ sản xuất để người dân có thể phục hồi sau những lần đại dịch hay thiên tai.

#### **4. Kết luận**

Thiên tai, dịch bệnh dưới triều Nguyễn (1802-1840) diễn ra với mức độ và cường độ mạnh, trong 40 năm (1802-1840) có 37 đợt thiên tai, dịch bệnh xảy ra. Có những năm xảy ra thiên tai kép vừa bị bão lụt, vỡ đê và dịch bệnh. Bão lụt, vỡ đê chủ yếu xảy ra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ (28/31 lần), ở Nam Kỳ chỉ xảy ra 3 lần, trong đó có 1 lần mưa lớn, gây lụt lội ở Long Khánh – trấn Biên Hoà, và 2 lần lở sông ở trấn Định Tường và Vĩnh Thanh.

Dịch bệnh thường bùng phát ở các trấn phía Nam như Gia Định, Bình Thuận hay Phú Yên. Có những lần, dịch bệnh lây lan cả nước, chỉ trong một thời gian ngắn đã cướp đi nhiều sinh mạng. Có thể, vào thời điểm đó, nền y học chưa phát triển, chưa có thuốc đặc trị, và việc phòng trừ để hạn chế lây lan còn hạn chế. Cộng với bệnh dịch tả lây lan nhanh chóng nên dẫn đến tỉ lệ người tử vong cao sau khi nhiễm bệnh.

Nhìn chung ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai, đây là nguyên nhân gây ra nhiều hệ lụy cho sự phát triển của khu vực này, đó là nền kinh tế kém phát triển, canh tác nông nghiệp năng suất thấp, đời sống nhân dân khổ cực. Hai vùng này, luôn ở tình trạng thiếu lương thực, thuốc men, trí lực, thể lực của người dân hạn chế. Nhìn rộng ra, thực trạng thiên tai, dịch bệnh kéo dài, dễ làm suy kiệt nền kinh tế, đe dọa an ninh lương thực và an ninh quốc gia.

Trước tình hình đó, triều Nguyễn đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách ngăn hạn và dài hạn nhằm hỗ trợ nhân dân vượt qua thiên tai như phát chẩn, khuyến khích người dân làm thiện nguyện, tạo công ăn việc làm, giảm thuế, miễn thuế....

Như vậy, các chính sách của triều Nguyễn để ứng phó trước thiên tai, dịch bệnh vào giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX, điều có tầm nhìn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; với mục đích cuối cùng là vì dân, làm sao đảm bảo tính mạng cho dân và đảm bảo lợi ích cho dân. Trước hết là phải có cái ăn, cái mặc trong thiên tai, dịch bệnh, như cấp phát gạo, thuốc men, vải, tiền cho người dân bị nạn hoặc bị chết; kêu gọi sự quyên góp, thiện nguyện từ cộng đồng cùng chung tay chia sẻ những khó khăn, tuy nhiên việc làm này được triều đình ghi nhận bằng việc ban tặng mũ, áo, chức quan. Khi tình hình ổn định, dựa vào báo cáo ở các địa phương triều đình cần nhắc giảm thuế, miễn thuế cho người dân, tạo công ăn việc làm cho người dân. Như vậy, chúng ta có thể áp dụng những chính sách ứng phó của triều Nguyễn vào trong thực tiễn hiện nay. Tuy nhiên, tất cả các hoạt động phải được sự giám sát, quản lí từ Nhà nước và Nhà nước sẽ ghi nhận những đóng góp của những cá nhân đó với cộng đồng. Nhà nước nên có qui định bằng văn bản cụ thể cho việc hoạt động thiện nguyện, mức kêu gọi sẽ tương xứng với tặng thưởng từ Nhà nước. Thứ nữa, những cá nhân đứng ra kêu gọi thiện nguyện sẽ được giám sát chặt chẽ bởi Nhà nước thì sẽ hạn chế những tiêu cực trong quá trình hoạt động.

### **Tài liệu tham khảo**

Châu bản triều Nguyễn (1812). Tờ 87 tập 2. Ngày 1 tháng 11 năm Gia Long thứ 10, về việc phát chẩn cho dân khi có thiên tai.

Châu bản triều Nguyễn (1821). Tờ 10 tập 4. Ngày 10/02/ Minh Mạng 2. Về việc cấp thuốc cho người dịch bệnh.

Châu bản triều Nguyễn (1825). Tờ 119, tập 10. Ngày 18 tháng 10 năm Minh Mệnh 6. Về việc cấp tiền cho dân vùng bị thiên tai.

Châu bản triều Nguyễn (1821). Tờ 18, tập 4. Ngày 18/10/Minh Mạng 2. Về việc Doanh Quảng Bình tâu về việc Báo cáo tình hình thiên tai bão lụt

Châu bản triều Nguyễn (1821). Tờ 19, tập 4. Ngày 18/10/Minh Mệnh 2. Về việc Báo cáo tình hình thiên tai bão lụt.

Châu bản triều Nguyễn (1821). Tờ 18, tập 4. Ngày 18/10/Minh Mệnh 2. Về việc Báo cáo tình hình thiên tai bão lụt.

Châu bản triều Nguyễn (1820). Tờ 98 tập 1. Ngày 24/12/MM 1. Về việc báo cáo tình hình dịch bệnh.

Châu bản triều Nguyễn (1821). Tờ 30 tập 4. Ngày 24/03/MM02. Về việc báo cáo tình hình dịch bệnh.

Châu bản triều Nguyễn (1825). Tờ 119 tập 10. Ngày 21/08/MM 06. Về việc cấp tiền cho dân vùng bị thiên tai.

Châu bản triều Nguyễn (1829). Tờ 67 tập 36. Ngày 04/03/MM 10. Tình hình vỡ đê ngập lụt tại một số trấn.

Châu bản triều Nguyễn (1825). Tờ 128, tập 10. Ngày 08/10/MM 06. Về việc cho quan đi xem xét để chẩn cứu dân nghèo khổ.

Châu bản triều Nguyễn (1821). Tờ 10, tập 4, năm Minh Mệnh 2. Về việc Doanh Quảng Bình tấu về việc cấp thuốc cho những người chết vì dịch bệnh.

Châu bản triều Nguyễn (1820). Tờ 63, tập 1. Ngày 25/9/MM 1.

Nguyễn Thế Anh (2008). *Kinh tế xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội

Quốc sử quán triều Nguyễn (2010). *Minh Mạng chính yếu*. Nxb Thuận Hoá. Thừa Thiên Huế

Trần Văn Giàu (1958). *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước năm 1858*. Nxb Hà Nội.

Vũ Huy Phúc (1979). *Chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.